TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **394**/2025/DS-ST
Ngày: 29/5/2025
V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam Hải,
Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nhung,
Ông Nguyễn Hải Đăng.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Hồng Mạnh Hải, Thư ký Toà án nhân dân Quận Tân phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thuý Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Tân phú, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 732/2024/DSST ngày 10 tháng 10 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 732/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 614/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**, địa chỉ: B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo uỷ quyền: anh Nguyễn Đình L (có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: bà **Lê Thị Mộng T**, địa chỉ: A T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, nội dung vụ án như sau:*

Ngày 15/10/2019 bà Lê Thị Mộng T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là: S1), hạn mức thẻ 25.000.000 đồng, lãi trong hạn 2,60%/tháng, lãi quá hạn 3,90%/tháng, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân. Bà T đã thực hiện các giao dịch từ thẻ tín dụng với số tiền 123.379.900 đồng, đã thanh toán được 100.620.000 đồng, rồi bà T không thanh toán tiếp theo các đợt đã thoả thuận với S1.

Ngày 23/7/2020, S1 chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển dư nợ sang nợ quá hạn là 27.541.111 đồng.

Tính đến ngày 31/3/2025 là 88.871.650 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 27.541.111 đồng, lãi quá hạn: 61.330.539 đồng.

Bà Lê Thị Mộng T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất quy

định tại Hợp đồng.

** Đối với bị đơn bà Lê Thị Mộng T:*

Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 32/2024/TB-TLVA ngày 10 tháng 10 năm 2024; giấy triệu tập tự khai; hai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà T đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có Đơn yêu cầu vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt, không có yêu cầu phản tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tống đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung vụ án: qua kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, việc thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Lê Thị Mộng T thanh toán nợ vay thẻ tín dụng cho Ngân hàng TMCP S, tính đến ngày 31/3/2025 là 88.871.650 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 27.541.111 đồng, lãi quá hạn: 61.330.539 đồng. Đồng thời, bà Lê Thị Mộng T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về đơn khởi kiện của nguyên đơn:

Hình thức, nội dung Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là: S1) thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tư cách pháp nhân:

S1 có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908, đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 41 ngày 26/12/2022, được cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H. Như vậy, về tư cách pháp nhân của Ngân hàng, phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp.

[3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng:

Tổng giám đốc S1 có văn bản ủy quyền thường xuyên cho Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S ký Đơn khởi kiện; sau đó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S đã có văn bản ủy quyền lại cho anh Nguyễn Đình L tham gia tố tụng trong vụ án

dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản đối với bà Lê Thị Mộng T, việc ủy quyền và nhận ủy quyền là phù hợp quy định của Bản điều lệ S1, pháp luật về dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Trong vụ án này, căn cứ bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng; bản phô tô giấy CCCD của bà Lê Thị Mộng T; kết quả xác minh của Ban chỉ huy Công an phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện nơi cư trú của bà T tại số A T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; hai bên đương sự thống nhất chọn nơi bà T đăng ký hộ khẩu thường trú là địa chỉ liên lạc và gửi các văn bản giao dịch, nên việc "tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng" là loại tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể khi giao kết hợp đồng:

Hai bên đương sự có xác lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng theo mẫu chung do Ngân hàng dự thảo, theo quy định tại Điều 405 Bộ luật dân sự 2015, việc hai bên ký kết hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, nên Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

[6] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Trong vụ án này, Toà án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Thị Mộng T. Hết thời hạn quy định của các văn bản tố tụng, bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; do vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị đơn không có yêu cầu phản tố.

** Về nội dung vụ án:*

[7] Việc bổ sung tài liệu, chứng cứ:

Tại phiên tòa, các đương sự cam kết không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác ngòai các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án.

[8] Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[8.1] Về số nợ vốn:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Thông báo về việc quá hạn thanh toán dư nợ vay và dư nợ thẻ tín dụng tại S1; Thông báo nhắc nợ; Bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền S1; bảng tính gốc, lãi khách hàng,… do S1 lập, cùng các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, thể hiện bà Lê Thị Mộng T là người xác lập giao dịch dân sự với S1: mở thẻ tín dụng hạn mức 25.000.000 đồng, lãi trong hạn 2,60%/tháng, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân. Bà T đã thực hiện các giao dịch từ thẻ tín dụng với số tiền 123.379.900 đồng. Bà T đã thanh toán được 100.620.000 đồng, rồi không thanh toán theo đợt theo thoả thuận. Ngày 23/7/2020, S1 chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển dư nợ sang nợ quá hạn là 27.541.111 đồng; tính đến ngày 31/3/2025 bà T nợ gốc là: 27.541.111 đồng.

[8.2] Về nợ lãi suất:

S1 và bà Lê Thị Mộng T thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của S1, thể hiện lãi suất (trong hạn, quá hạn) là căn cứ theo Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Biểu phí thẻ tín dụng quốc tế, được ban hành theo nội dung Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N1, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét, lãi suất thoả thuận sử dụng thẻ tín dụng là lãi trong hạn 2,60%/tháng, lãi quá hạn 3,90%/tháng, tính đến ngày 31/3/2025 bà Lê Thị Mộng T nợ lãi quá hạn là: 61.330.539 đồng, đây là lãi suất thỏa thuận giữa S1 và bà Lê Thị Mộng T, phù hợp quy định của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N1, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNNngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N1 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên chấp nhận.

[9] Căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các chứng cứ, phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Lê Thị Mộng T là người yêu cầu S1 mở thẻ tín dụng hạn mức 25.000.000 đồng, hiện dư nợ của bà T tính đến ngày 31/3/2025 là 88.871.650 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 27.541.111 đồng, lãi quá hạn: 61.330.539 đồng.

Việc bà Lê Thị Mộng T là người vi phạm thỏa thuận hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của S1, do vậy S1 yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Mộng T thanh toán khoản nợ tổng cộng là 88.871.650 đồng, nêu trên, làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; đồng thời, bà T còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, do các bên thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của S1, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, kể từ ngày 01/4/2025, cho đến khi bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với S1.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự là 4.443.582 đồng (làm trịn số).

S1 không phải chịu án phí dân sự, S1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 1.909.410 đồng.

Vì các lẽ nêu trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 94, 96, 97, 101, 106, 109, 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật thi hành án dân sự;

Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 1/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N1, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 19/2016/TT-NHNN30 tháng 6 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N1, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN30 tháng 12 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N1 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bà Lê Thị Mộng T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền tính đến ngày 31/3/2025 là 88.871.650 đồng (T1 mươi tám triệu tám trăm bảy mươi mốt ngàn sáu trăm năm mươi đồng), trong đó: dư nợ gốc: 27.541.111 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi mốt ngàn một trăm mười một đồng), lãi quá hạn: 61.330.539 đồng (Sáu mươi mốt triệu ba trăm ba mươi ngàn năm trăm ba mươi chín đồng.

Đồng thời bà Lê Thị Mộng T còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 01/4/2025 cho đến khi bà Lê Thị Mộng T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Cách thức thanh toán: bà Lê Thị Mộng T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền là 88.871.650 đồng (T1 mươi tám triệu tám trăm bảy mươi mốt ngàn sáu trăm năm mươi đồng), nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự là 4.443.582 đồng (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi ba ngn năm trăm tám mươi hai đồng). Bà Lê Thị Mộng T nộp số tiền án phí dân sự 4.443.582 đồng (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm tám mươi hai đồng), nêu trên, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng n phí đ tạm nộp l 1.909.410 đồng (Một triệu chín trăm lẻ chín ngàn bốn trăm mười đồng), theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/23P số 0040338, ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần S, bà Lê Thị Mộng T, vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Nam Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị NhungNguyễn Hải ĐăngLê Nam Hải

TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại Phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam H,
- *Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị N,

Ông Nguyễn Hải Đ.

Đã tiến hành nghị án hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 732/2024/DSST ngày 10 tháng 10 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**.

Bị đơn: bà **Lê Thị Mộng T**.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề sau:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 94, 96, 97, 101, 106, 109, 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật thi hành án dân sự;

Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 1/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N1, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 19/2016/TT-NHNN30 tháng 6 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N1, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN30 tháng 12 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N1 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Biểu quyết: . . . . . .

2. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bà Lê Thị Mộng T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền tính đến ngày 31/3/2025 là 88.871.650 đồng (T1 mươi tám triệu tám trăm bảy mươi mốt ngàn sáu trăm năm mươi đồng), trong đó: Dư nợ gốc: 27.541.111 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi mốt ngàn một trăm mười một đồng), lãi quá hạn: 61.330.539 đồng (Sáu mươi mốt triệu ba trăm ba mươi ngàn năm trăm ba mươi chín đồng.

Đồng thời bà Lê Thị Mộng T còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 01/4/2025 cho đến khi bà Lê Thị Mộng T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Cách thức thanh toán: bà Lê Thị Mộng T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền là 88.871.650 đồng (T1 mươi tám triệu tám trăm bảy mươi mốt ngàn sáu trăm năm mươi đồng), nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Biểu quyết: . . . . . .

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Lê Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự là 4.443.582 đồng (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm tám mươi hai đồng). Bà Lê Thị Mộng T nộp số tiền án phí dân sự 4.443.582 đồng (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm tám mươi hai đồng), nêu trên, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp l 1.909.410 đồng (Một triệu chín trăm lẻ chín ngàn bốn trăm mười đồng), theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/23P số 0040338, ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Biểu quyết: . . . . . .

4. Về quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự:

Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết: . . . . . .

5. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần S, bà Lê Thị Mộng T, vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Biểu quyết: . . . . . .

Buổi nghị án kết thúc lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA